

Thanh Hoá, ngày 18 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH
LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- THANH HÓA

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 6, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và mục 1 Điều I phần B danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 278/2026/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Anh [Luu Anh T](#), sinh năm 1980; CCCD số: 038080009458

Cư trú tại: Căn hộ [số A, Tầng F- Tòa nhà S](#)- khu dân cư và [công viên P, số E đường N, khu phố E, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh](#).

2. Chị [Trịnh Thị H](#), sinh năm 1979; CCCD số: 038179008909

Cư trú tại: [SN H đường Đ, TDP D, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh [Luu Anh T](#) và chị [Trịnh Thị H](#) đến với nhau tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, có đăng ký kết hôn tại [UBND thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa \(nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa\)](#) năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, mỗi người một tính, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không hoà hợp. Mặc dù cả hai đã cố gắng và hai bên gia đình nội ngoại cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hoà hợp được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2026 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với nhau được nữa nên hai bên cùng đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh [Luu Anh T](#) và chị [Trinh Thi H](#).

[2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là [Luu Đức M](#) (nam), sinh ngày 18/11/2003 và [Luu Đức Bảo A](#) (nam), sinh ngày 27/11/2008. Cháu [M](#) đã thành niên, nên anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu [Bảo A](#) cho anh [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị [H](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh [T](#) mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2026.

[3] Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí DSST: Anh [Luu Anh T](#) nộp 150.000đ, chị [Trinh Thi H](#) nộp 150.000đ. Hai bên thỏa thuận chị [H](#) nộp thay lệ phí DSST cho anh [T](#).

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong biên bản ghi nhận hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Về con chung: Vợ chồng thỏa thuận giao cháu [Luu Đức Bảo A](#) (giới tính: nam), sinh ngày 27/11/2008 cho anh [T](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị [H](#) đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh [T](#) mỗi tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi cháu [Bảo A](#) đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2026.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền và*

nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6;
- Dương sự;
- UBND xã Hoàng Hoá,
tỉnh Thanh Hoá (ĐK 06/3/2003);
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Tòa án tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TÓNG THỊ HÀ